

# NỘI DUNG MÔN HỌC NGỮ VĂN 11

NĂM HỌC: 2021 – 2022

TUẦN 2

Tiết 5: TỰ TÌNH

## I. Tìm hiểu chung

### 1. Tác giả

- Hồ Xuân Hương là thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời gặp nhiều bất hạnh.
- Thơ Hồ Xuân Hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng ngôn từ và hình tượng.

### 2. Sự nghiệp sáng tác

- Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm nhưng thành công ở chữ Nôm.
- được mệnh danh là “bà chúa thơ Nôm”.
- Bài thơ “Tự tình” nằm trong chùm thơ tự tình gồm 3 bài của Hồ Xuân Hương.

## II. Đọc – hiểu văn bản:

### 1. Hai câu đề

“*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,  
Trơ cái hồng nhan với nước non.*”

- Thời gian: đêm khuya
- Không gian vắng vẻ với bước đi dồn dập của thời gian “tiếng trống canh dồn”
- Tâm trạng cô đơn, tủi hổ của Hồ Xuân Hương.

Nghệ thuật đối lập:

Cái hồng nhan >< nước non.

Cái – hồng nhan, từ “trơ”

- Cách dùng từ: Cụ thể hóa, đồ vật hóa, rẻ rúng hóa cuộc đời của chính mình.
- Câu thơ ngắt làm 3 như một sự chệch, bẽ bàng, buồn bực. *Cái hồng nhan* ấy không được quân tử yêu thương mà lại vô duyên, vô nghĩa, trơ lì ra với nước non.
- => Hai câu thơ tạc vào không gian, thời gian hình tượng một người đàn bà trầm uất, đang đối diện với chính mình.

## **2. Hai câu thực**

*“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,  
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.”*

- “say lại tỉnh “ gọi lên cái vòng quẩn quanh, tình duyên trở thành trò đùa của con tạo, càng say càng tỉnh càng cảm nhận nỗi đau của thân phận
- Uống rượu mong giải sầu nhưng không được, *Say lại tỉnh*. tỉnh càng buồn hơn.
- Hình ảnh người phụ nữ uống rượu một mình giữa đêm trăng, đem chính cái hồng nhan của mình ra làm thức nhắm, để rồi sững sờ phát hiện ra rằng trong cuộc đời mình không có cái gì là viên mãn cả, đều dang dở, muôn màng.
- Hai câu đối thanh nghịch ý: Người say lại tỉnh >< trăng khuyết vẫn khuyết → tức, bởi con người muôn thay đổi mà hoàn cảnh cứ ý ra → vô cùng cô đơn, buồn và tuyệt vọng.

## **3. Hai câu luận**

*“Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,  
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.”*

- Động từ mạnh: *Xiên ngang, đâm toạc*→ Tả cảnh thiên nhiên kì lạ phi thường, đầy sức sống: Muốn phá phách, tung hoành - cá tính Hồ Xuân Hương: Mạnh mẽ, quyết liệt, tìm mọi cách vượt lên số phận.
- Phép đảo ngữ và nghệ thuật đối: Sự phẫn uất của thân phận rêu đá, cũng là sự phẫn uất, phản kháng của tâm trạng nhân vật trữ tình.

## **4. Hai câu kết**

*Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,  
Mảnh tình san sẻ tí con con.*

- Hai câu kết khép lại lời tự tình.
- Nỗi đau về thân phận lẽ mọn, ngán ngẩm về tuổi xuân qua đi không trở lại, nhưng mùa xuân của đất trời vẫn cứ tuần hoàn.
- Nỗi đau của con người lâm vào cảnh phải chia sẻ cái không thể chia sẻ:

Mảnh tình - san sẻ - tí - con con.

Đó là nỗi lòng của người phụ nữ ngày xưa khi với họ hạnh phúc chỉ là chiếc chăn bông quá hẹp.

→ Câu thơ nát vụn ra, vật vã đến nhói vì cái duyên tình hẩm hiu, lận đận của nhà thơ.  
Càng gắng gượng vươn lên càng rơi vào bi kịch.

### **III. Tổng kết**

- Nội dung: Qua bài thơ ta thấy được bản lĩnh HXH được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được hạnh phúc.

- Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn, tả cảnh sinh động đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

### **IV. Luyện tập**

#### **Câu 1 (sgk trang 20)**

So sánh bài thơ Tự tình I và Tự tình II của tác giả Hồ Xuân Hương

a, Giống nhau:

- Sử dụng thơ Nôm Đường luật
- Sử dụng ngôn ngữ sắc sảo, tài hoa nhất là khả năng sử dụng các biện pháp nghệ thuật: đảo ngữ, phép đối, tăng tiến...
- Bộc lộ tâm trạng: nỗi buồn tủi, xót xa, phẫn uất trước cảnh duyên phận hẩm hiu.

b, Khác nhau:

- Cảm xúc trong Tự tình I: yếu tố phản kháng, thách đố duyên phận mạnh mẽ hơn.
- Còn ở Tự tình II: Vẫn có yếu tố phản kháng, nhưng bên cạnh đó còn thể hiện nỗi niềm xót xa, tủi hổ, bẽ bàng của người phụ nữ.

## **Tiết 6: CÂU CÁ MÙA THU**

**- Nguyễn Khuyến-**

### **I. Tìm hiểu chung**

#### **1. Tác giả**

- Nguyễn Khuyến là bậc túc nho tài, có cốt cách thanh cao, có lòng yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc.
- Được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam”.

## 2. Sự nghiệp sáng tác

Nguyễn Khuyến sáng tác cả thơ, văn, câu đối, nhưng thành công hơn cả là thơ cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm.

## 3. Vị trí, đề tài, hoàn cảnh sáng tác bài thơ

- + Vị trí: Bài thơ “Câu cá mùa thu” là một trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.
- + Đề tài: Viết về đề tài mùa thu – đề tài quen thuộc.
- + Hoàn cảnh sáng tác: Viết trong thời gian khi Nguyễn Khuyến về ở ẩn tại quê nhà.

## II. Đọc – hiểu văn bản

### 1. Cảnh thu

- Điểm nhìn từ trên thuyền câu -> nhìn ra mặt ao nhìn lên bầu trời -> nhìn tới ngõ vắng -> trở về với ao thu.

-> Cảnh thu được đón nhận từ gần -> cao xa -> gần. Cảnh sắc thu theo nhiều hướng thật sinh động với hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa.

- Mang nét riêng của cảnh sắc mùa thu của làng quê Bắc bộ: Không khí dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật:

+ Màu sắc: *Trong veo, sóng biếc, xanh ngắt*

+ Đường nét, chuyển động: *Hơi gợn tí, khẽ đưa vèo, mây lơ lửng.*

-> Hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc, không chỉ thể hiện cái hồn của cảnh thu mà còn thể hiện cái hồn của cuộc sống ở nông thôn xưa.

"Cái thú vị của bài *Thu điếu* ở các điệp xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh trúc, xanh trời, xanh bèo" (Xuân Diệu).

- Không gian thu tĩnh lặng, phảng phất buồn:

- |               |  |  |
|---------------|--|--|
| + Vắng teo    |  | Các hình ảnh được miêu tả trong trạng thái ngưng chuyển động, hoặc chuyển động nhẹ, khẽ. |
| + Trong veo   |  |  |
| + Khẽ đưa vèo |  |  |
| + Hơi gợn tí. |  |  |
| + Mây lơ lửng |  |  |

- Đặc biệt câu thơ cuối tạo được một tiếng động duy nhất: *Cá đâu đớp động dưới chân bèo*  
-> không phá vỡ cái tĩnh lặng, mà ngược lại nó càng làm tăng sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật -> Thủ pháp lấy động nói tĩnh.

## **2. Tình thu**

- Nói chuyện cá nhưng thực ra là để đón nhận cảnh thu, trời thu vào cõi lòng.  
+ Một tâm thế nhàn: Tựa gối ôm cần  
+ Một sự chờ đợi: Lâu chẳng được.  
+ Một cái chợt tỉnh mơ hồ: Cá đâu đớp động...  
- Không gian thu tĩnh lặng như sự tĩnh lặng trong tâm hồn nhà thơ, khiến ta cảm nhận về một nỗi cô đơn, man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.  
-> Nguyễn khuyến có một tâm hồn gắn bó với thiên nhiên đất nước, một tấm lòng yêu nước thâm kín mà sâu sắc.

## **3. Đặc sắc nghệ thuật**

- Cách gieo vần đặc biệt: Vần " eo "(từ vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thân tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.  
- Lấy động nói tĩnh- nghệ thuật thơ cổ phương Đông.  
- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.

## **4. Ý nghĩa văn bản**

Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả.

## **III. Tổng kết**

Ghi nhớ: SGK

## **IV. Luyện tập**

### **Câu 1 (SGK/trang 22)**

Cái hay của nghệ thuật sử dụng từ ngữ trong bài thơ: dùng từ ngữ gợi cảnh để diễn tả tâm trạng

- Cảnh thanh sơ, dịu nhẹ được gợi lên qua các từ: trong veo, biếc, xanh ngắt, các cụm động từ: gợn tí, khẽ đưa, lơ lửng

- Từ “vèo” trong câu thơ “Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo” nói lên tâm sự thời thế của nhà thơ
- Vận “eo” được tác giả sử dụng rất tài tình. Trong bài thơ, vận “eo” giúp diễn tả không gian dần thu nhỏ, vắng lặng, hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của tác giả.

## **Tiết 7: PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

### **I. Tìm hiểu bài**

#### **1. Phân tích đề**

##### **a. Tìm hiểu ngữ liệu**

+ Đề 1:

- Vấn đề cần nêu: suy nghĩ về khả năng thực hành của con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Hình thức nêu vấn đề:

Cố định, cụ thể → đề nổi.

- vấn đề có liên quan đến đời sống xã hội

+ Đề 2:

- Vấn đề cần nêu: Tâm sự của Hồ Xuân Hương trong “Tự tình II “.

- Hình thức nêu vấn đề:

Không nêu nội dung cụ thể và hướng triển khai → đề mở.

- Phạm vi đề:

Vấn đề có liên quan đến nội dung và nghệ thuật của bài “Tự tình II”.

+ Đề 3:

- Vấn đề cần nghị luận:

Vẻ đẹp trong bài thơ “Mùa thu câu cá” của Nguyễn Khuyến.

- Hình thức nêu vấn đề:

Không nêu cụ thể nội dung và hướng triển khai → đề mở.

- Phạm vi vấn đề:

Vấn đề có liên quan đến nội dung và nghệ thuật của bài “Thu điếu”.

##### **b. Khái niệm**

Khái niệm: phân tích đề là chỉ ra những yêu cầu về nội dung, thao tác lập luận và phạm vi dẫn chứng của đề.

### **Phương pháp**

- Đọc kĩ đề bài
- Gạch chân các từ then chốt (những từ chứa đựng ý nghĩa của đề).
- Chú ý các yêu cầu của đề (nếu có).
- Xác định yêu cầu của đề:
  - + Tìm hiểu nội dung của đề.
  - + Tìm hiểu hình thức và phạm vi tư liệu cần sử dụng.

## **2. Lập dàn ý**

### **a. Tìm hiểu ngữ liệu**

- + Đề 1: có 2 luận điểm lớn:
    - Cái mạnh của người Việt Nam.
      - Có 2 luận cứ: → thông minh.
        - Sự nhạy bén với cái mới
      - Cái yếu của người Việt Nam.
        - lỗ hổng về kiến thức
        - khả năng thực hành sáng tạo.
  - + Đề 2: có 2 luận điểm:
    - Bi kịch duyên phận của Hồ Xuân Hương
      - 2 luận cứ: nỗi cô đơn
        - Sự lỡ làng
      - khát vọng sống
        - 2 luận cứ: Sự phẫn uất
          - Cam chịu với hạnh phúc bị san sẻ.
  - + đề 3: có 2 luận điểm và 2 luận cứ tùy thuộc vào vẻ đẹp của bài thơ mà hs lựa chọn.
- Ví dụ về lập dàn ý:
- \* Mở bài.

- Giới thiệu vấn đề (Nhìn nhận được cái mạnh cái yếu của con người VN để bước vào thế kỷ XXI).

- Trích đề.

\* Thân bài: Triển khai vấn đề.

- Cái mạnh: Thông minh và nhạy bén với cái mới. (Dẫn chứng minh họa làm sáng rõ vấn đề)

- Cái yếu: + Lỗi hỏng về kiến thức cơ bản.

+ Khả năng thực hành, sáng tạo bị hạn chế

-> ảnh hưởng đến công việc, học tập và năng lực làm việc.

- Mỗi chúng ta cần phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu, tự trang bị những kiến thức tốt nhất để chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ XXI.

\* Kết luận.

- Đánh giá ý nghĩa của vấn đề.

- Rút ra bài học cho bản thân.

### **b. Khái niệm**

Lập dàn ý bài văn nghị luận là nhằm thiết kế bố cục và sắp xếp các ý theo một trật tự logic của bài.

Vai trò của dàn ý:

Tránh thiếu ý, thừa ý, hệ thống ý không chặt chẽ sơ sài.

Các bước lập dàn ý:

- Từ kết quả tìm hiểu đề, sắp xếp các ý thành hệ thống theo trình tự lôgic gồm 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

+ Thân bài: Triển khai luận đề bằng những luận điểm.

+ Kết luận: Tóm tắt ý, mở rộng, đánh giá ý nghĩa của vấn đề, rút ra bài học.

### **3. Ghi nhớ (SGK).**

## **II. Luyện tập**

### **Đề 1: (trang 23 SGK):**

#### **1. Phân tích đề:**

- Đây là dạng đề định hướng rõ về nội dung và thao tác nghị luận.



- Vấn đề cần nghị luận: Giá trị hiện thực sâu sắc của đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh
- Phương pháp: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ
- Phạm vi dẫn chứng: văn bản Vào phủ chúa Trịnh là chủ yếu

## **2. Lập dàn ý**

### **a. Mở bài**

Giới thiệu văn bản “Vào phủ chúa Trịnh” của Lê Hữu Trác

### **b. Thân bài**

\* Cuộc sống giàu sang, xa xỉ, thừa thãi, những lễ nghi rườm rà của chúa Trịnh:

- cây cối um tùm, chim hót líu lo
- Đồ đạc nhân gian chưa từng thấy. Toàn được sơn son, dát vàng
- Lầu son gác tía, rèm châu, hiên ngọc, sập vàng
- Đồ ăn toàn của ngon vật lạ
- Quan lính, kẻ hầu, người hạ tấp nập...
- Phủ chúa uy nghi, xa xỉ hơn cung vua...
- Vào phủ chúa phải đi qua nhiều cửa, qua nhiều dãy hành lang quanh co...

\* Bức chân dung thế tử Trịnh Cán

- Là một cậu bé 5, 6 tuổi
- Vây quanh cậu bé bao nhiêu là gấm vóc lụa là, vàng, ngọc, sập, nến, đèn, hương hoa, màn trướng,...
- Người hầu hạ, cung tần, mỹ nữ, thái y đứng gần hoặc chực ở xa.

\* Thái độ và dự cảm của tác giả

- Dửng dưng trước cuộc sống giàu sang, xa hoa, thừa thãi của phủ chúa
- Phê phán cuộc sống xa xỉ đó
- Việc khám bệnh cho thế tử Trịnh Cán thể hiện sự tận tâm, nhân cách của người thầy thuốc...
- Tác giả nhìn thấy trong sự xa hoa nơi phủ chúa có sự tàn tạ, lụi tàn...

### **c. Kết bài**

- Nêu nhận xét của mình về giá trị của đoạn trích

**Đề 2: (trang 23 sgk):**

## 1. Phân tích đề

- Vấn đề cần nghị luận: Tài năng sử dụng ngôn ngữ dân tộc của Hồ Xuân Hương
- Phương pháp: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với bình luận
- Phạm vi dẫn chứng là những từ ngữ giản dị, thuần Việt, những câu thơ sáng tạo, thành ngữ, ca dao trong hai bài thơ.
- Thao tác nghị luận là phân tích, cảm nghĩ, khái quát.

## 2. Lập dàn ý

**a, Mở bài:** Giới thiệu bài thơ “Tự tình” hoặc “Bánh trôi nước” cùng tài năng của Hồ Xuân Hương

**b, Thân bài:** Tài năng sử dụng ngôn ngữ của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua

- Sử dụng thơ Nôm một cách nhuần nhuyễn
- Sử dụng các từ ngữ thuần Việt:
  - + Bánh trôi nước: Trầu hôi, quệt, vôi, xanh, lá, vôi, của, ...
  - + Tự tình II: Trống canh, dòn, trơ, xé, xiên, đâm toạc, hòn...
- Sử dụng hình thức đảo trật tự từ trong câu: “Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám – Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn”
- Sử dụng câu so sánh: Xanh như lá, bạc như vôi”

**c, Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của mình về tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ đó

## Tiết 8: THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

### I. Tìm hiểu bài

#### 1. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích

##### a. Tìm hiểu ngữ liệu

Gợi ý trả lời câu hỏi.

- Sở Khanh là kẻ bản thủ, bản tiện, đại diện cho sự đồi bại trong xã hội "Truyện Kiều".
- Để thuyết phục tác giả đã đưa ra các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm (các yếu tố được phân tích).
- + Sở Khanh sống bằng nghề đòi bái, bắt chính.

+ Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại bất chính đó: Giả làm người tử tế để đánh lừa một người con gái ngây thơ, hiếu thảo; trở mặt một cách tráo trờ; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.

- Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp: Sau khi phân tích chi tiết bộ mặt lừa bịp, tráo trở của Sở Khanh, tác giả đã tổng hợp và khái quát bản chất của hắn: ..." Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này".

### **b. Kết luận**

- Lập luận phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng, rồi khái quát, phát hiện ra bản chất của đối tượng.

- Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp. Đó là bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận.

- Yêu cầu của một lập luận phân tích:

+ Xác định vấn đề phân tích.

+ Chia vấn đề thành những khía cạnh nhỏ.

+ Khái quát tổng hợp.

### **2. Cách phân tích**

- Cần dựa trên những tiêu chí, quan hệ nhất định: (Quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, quan hệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích ).

- Phân tích cần đi sâu vào từng mặt, từng bộ phận nhưng cần lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau, cần khái quát để rút ra bản chất chung của đối tượng.

Gợi ý trả lời câu hỏi.

Mục 1.

- Phân chia dựa trên cơ sở quan hệ nội bộ trong bản thân đối tượng - những biểu hiện về nhân cách bản thủ, bản tiện của Sở Khanh.

- Phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp: từ việc phân tích làm nổi bật những biểu hiện bản thủ, bản tiện mà khái quát lên giá trị hiện thực của nhân vật này - bức tranh về nhà chứa, tính đồi bại trong xã hội đương thời.

Mục II (1).

- Phân tích theo quan hệ nội bộ đối tượng
- Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân
- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả.

Mục II (2)

- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả.
- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng.
- Phân tích kết hợp chặt chẽ với khái quát tổng hợp.

**3. Ghi nhớ** (SGK trang 27)

## **II. Luyện tập**

**Câu 1 (trang 28 SGK):** Tìm hiểu các quan hệ cơ sở cho việc phân tích đối tượng trong các lập luận sau:

- Quan hệ nội bộ của đối tượng (diễn biến, các cung bậc tâm trạng "bàng hoàng" của Thúy Kiều), đó là cung bậc tâm trạng đau xót, quẩn quanh và hoàn toàn bế tắc của Kiều.
- Quan hệ giữa đối tượng này với đối tượng khác có liên quan: bài thơ Lời kĩ nữ của Xuân Diệu với bài Tì bà hành của Bạch Cư Dị.

**Câu 2 (trang 28 SGK):** Về đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật trong bài thơ Tự tình II của Hồ Xuân Hương thể hiện ở:

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc, có sức biểu đạt cao tư tưởng và tâm trạng của nhân vật trữ tình như: văng vẳng, trơ, cái hồng nhan, xiên ngang, đâm toạc, tí, con con...
- Sự kết hợp giữa những động từ mạnh (xiên, đâm) với các bổ ngữ độc đáo (ngang, toạc) làm nổi bật sự bướng bỉnh và ngang ngạnh.
- Nghệ thuật đảo trật tự cú pháp trong hai câu luận:
- Nghệ thuật sử dụng sóng đôi các cặp từ trái nghĩa, góp phần biểu lộ trạng thái bế tắc: say – tỉnh, khuyết – tròn, đi – lại.
- Nghệ thuật lặp từ (lại, xuân) và phép tăng tiến (san sẻ - tí – con con).